TÀI LIỆU ĐẶC TẢ YÊU CẦU PHẦN MỀM

(Software Requirement Specification – SRS)

Phát triển hệ thống E-Learning Company phục vụ cho Người hướng dẫn

sinh viên,doanh nghiệp

Phiên bản 1.0.1

Được phát triển bởi : Lê Minh Phương

Hà Nội 14/1/2023

Mục lục

I Giới thiệu

* 1. Mục đích

Mục đích của tài liệu đặc tả yêu cầu phần mềm này là cung cấp một cái nhìn tổng quan, dễ hiểu về các yêu cầu, thành phần của dự án.

Tài liệu này được cung cấp như một tài liệu tham khảo cho sinh viên trực tiếp tham gia phát triển dự án phục vụ cho việc hoàn thành đồ án tốt nghiệp. Ngoài ra trong môi trường thực tế bên ngoài tài liệu này còn phục vụ cho những nhà phát triển phần mềm, kiểm thử viên, nhà quản lý dự án cũng như các bên liên quan

1.2 Phạm vi

Tài liệu đặc tả yêu cầu phần mềm này được xây dựng nhằm phục vụ cho dự án Phát triển hệ thống E-learning Company phục vụ công việc hướng dẫn thực tập sinh. Với việc phát triển hệ thống học trực tuyến cung cấp cho khách hàng, tổ chức cá nhân một công cụ đi kèm với cách dạy và học truyền thống. Mang lại nhiều lợi ích về kinh tế với chi phí thấp nhưng vẫn đảm bảo được nội dung cũng như chất lượng của việc học trực tuyến.

2 Các yêu cầu chức năng

2.1 Các tác nhân

Hệ thống gồm có các tác nhân là Khách, Thực tập sinh cá nhân,Thực tập sinh doanh nghiệp, Người hướng dẫn và Quản trị viên.

* Khách có vai trò là người dùng khi chưa đăng nhập vào hệ thống.
* Thực tập sinh cá nhân,Thực tập sinh doanh nghiệp đăng nhập vào hệ thống.
* Người hướng dẫn được cung cấp các chức năng giảng dạy và hướng dẫn học tập.
* Quản trị viên có vai trò quản trị hoạt động của hệ thống.

2.2 Các chức năng của hệ thống

Chúng tôi có bốn người dùng chính trong trang web của chúng tôi:

**Các tính năng phổ biến cho tất cả người dùng ngoại trừ khách:**

* Đăng xuất khỏi trang web

**Người quản lý**

* Thêm một quản trị viên khác vào trang web.
* Thêm thực tập sinh của công ty vào trang web.
* Thêm người hướng dẫn vào trang web.
* Xem các báo cáo và giải quyết nó.
* Xem các yêu cầu đăng ký khóa học và tất cả các chi tiết của yêu cầu
* Xem yêu cầu hoàn tiền và phê duyệt chúng hay không
* Thêm khuyến mãi cho bất kỳ khóa học nào trong trang web và chỉ định phần trăm giảm giá và thời gian kết thúc giảm giá

**Khách**

* Đăng nhập
* Đăng ký webiste

**Thực tập sinh doanh nghiệp**

* Yêu cầu quyền truy cập vào một khóa học cụ thể mà họ không có quyền truy cập

**Người hướng dẫn**

* xem xếp hạng và đánh giá về tất cả các khóa học của anh ấy / cô ấy khóa học
* xem và chấp nhận hợp đồng bao gồm tất cả các quyền đối với các video và tài liệu đã đăng cũng như % mà công ty thu được trên mỗi video trên mỗi --- thực tập sinh đã đăng ký điều kiện
* xem tất cả các tiêu đề của các khóa học được cung cấp bởi anh ấy / cô ấy
* lọc các khóa học do anh ấy / cô ấy đưa ra dựa trên một chủ đề hoặc giá cả
* tìm kiếm một khóa học do anh ấy / cô ấy đưa ra dựa trên tên khóa học hoặc chủ đề hoặc người hướng dẫn
* xem số tiền nợ mỗi tháng
* tạo một khóa học mới và điền vào tất cả các chi tiết bao gồm tiêu đề, phụ đề, giá cả và tóm tắt ngắn về toàn bộ khóa học tạoCourse
* tải lên liên kết video từ YouTube dưới mỗi phụ đề và nhập mô tả ngắn về video tải video lên
* tải lên một liên kết video từ YouTube dưới dạng bản xem trước cho khóa học tải lên bản xem trước
* tạo một bài kiểm tra trắc nghiệm với 4 lựa chọn cho mỗi câu hỏi
* đặt đáp án (học viên không nhìn thấy) cho bài tập trắc nghiệm
* xem xếp hạng và đánh giá của anh ấy / cô ấy với tư cách là người hướng dẫn
* chỉnh sửa tiểu sử nhỏ hoặc email của anh ấy / cô ấy
* xác định khuyến mãi cho khóa học (% chiết khấu) và trong bao lâu

**Thực tập sinh cá nhân**

* xem số tiền có sẵn trong ví của họ từ các khóa học được hoàn trả
* nhập chi tiết thẻ tín dụng của họ để thanh toán cho khóa học họ muốn đăng ký
* trả tiền cho một khóa học
* chỉ yêu cầu hoàn lại tiền nếu ít hơn 50% khóa học đã được tham gia

**Thực tập sinh cá nhân & Thực tập sinh doanh nghiệp**

* mở tất cả các mục bên trong một khóa học mà anh ấy / cô ấy đã đăng ký bao gồm các video và bài tập
* đánh giá người hướng dẫn
* đánh giá một khóa học
* giải bài tập trắc nghiệm bằng cách chọn câu trả lời đúng số
* gửi câu trả lời cho bài tập sau khi hoàn thành nó bài kiểm tra
* xem điểm của anh ấy / cô ấy từ bài tập
* xem các câu hỏi với giải pháp đúng để xem các câu trả lời sai
* xem video từ một khóa học mà anh ấy / cô ấy đã đăng ký
* xem sự tiến bộ của anh ấy / cô ấy trong khóa học cho đến nay đã hoàn thành bao nhiêu khóa học
* nhận chứng chỉ dưới dạng PDF sau khi hoàn thành khóa học qua email
* tải xuống chứng chỉ dưới dạng PDF từ trang web chứng chỉ
* tải xuống các ghi chú dưới dạng PDF
* viết ghi chú trong khi xem video
* xem danh sách tất cả các khóa học mà anh ấy / cô ấy đã đăng ký trên hồ sơ của họ
* Khách mời & người hướng dẫn & học viên cá nhân
* xem và chấp nhận trang web/chính sách hoàn tiền/thanh toán của công ty khi đăng ký
* xem giá của từng khóa học
* lọc các khóa học dựa trên giá (giá có thể MIỄN PHÍ)
* chọn một khóa học từ kết quả và xem (nhưng không mở) thông tin chi tiết của khóa học bao gồm phụ đề khóa học, bài tập , tổng số giờ của mỗi phụ đề, tổng số giờ của khóa học và giá (bao gồm % chiết khấu nếu có) theo quốc gia đã chọn

**Khách mời & người hướng dẫn & thực tập sinh cá nhân & thực tập sinh doanh nghiệp**

* chọn quốc gia của họ
* lọc các khóa học dựa trên chủ đề và/hoặc xếp hạng
* tìm kiếm một khóa học dựa trên tiêu đề khóa học hoặc chủ đề hoặc người hướng dẫn
* xem video xem trước của khóa học và đề cương khóa học trước khi đăng ký
* xem các khóa học được xem nhiều nhất / phổ biến nhất
* xem tất cả các tiêu đề của các khóa học có sẵn bao gồm tổng số giờ của khóa học và xếp hạng khóa học
* người hướng dẫn & thực tập sinh cá nhân & thực tập sinh doanh nghiệp
* nhận được email để thay đổi mật khẩu đã quên thư kiểm chứng
* thay đổi mật khẩu của mình
* báo cáo một vấn đề với một khóa học. Vấn đề có thể là "kỹ thuật", "tài chính" hoặc "khác"
* xem tất cả các sự cố được thay thế trước đó và trạng thái của chúng báo cáo vấn đề
* theo dõi một vấn đề chưa được giải quyết

2.3 Biểu đồ usecase

2.4 Đặc tả usecase

2.4.1 Đăng nhập

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Usecase** | UC001 | **Tên Usecase** | Đăng nhập |
| **Tác nhân** | Khách | | |
| **Mô tả** | Tác nhân đăng nhập vào hệ thống để sử dụng các chức năng hệ thống | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Click vào nút đăng nhập trên giao diện website | | |
| **Tiền điều kiện** | Tác nhân đã có tài khoản trên hệ thống | | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1 | Khách | Chọn chức năng Đăng nhập | | 2 | Hệ thống | Hiện thị giao diện đăng nhập | | 3 | Khách | Nhập đăng nhập và mật khẩu (mô tả phía dưới \*) | | 4 | Khách | Yêu cầu đăng nhập | | 5 | Hệ thống | Kiểm tra xem khách đã nhập các trường bắt buộc nhập hay chưa | | 6 | Hệ thống | Kiểm tra tên đăng nhập và mật khẩu có hợp lệ do khách nhập trong hệ thống hay không | | 7 | Hệ thống | Hiển thị chức năng tương ứng đối với Người dùng | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 6a | Hệ thống | Thông báo lỗi: Cần nhập các trường bắt buộc nhập nếu khách nhập thiếu | | 7a | Hệ thống | Thông báo lỗi: Tên tài khoản và/hoặc mật khẩu chưa đúng nếu không tìm thấy email và mật khẩu trong hệ thống | | | |
| **Hậu điều kiện** | Tác nhân đăng nhập được vào hệ thống | | |

**Đặc tả chức năng “Đăng nhập”**

**\* Dữ liệu đầu vào gồm các trường dữ liệu sau:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắc buộc** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
| **1** | Tên tài khoản | Input field | Có | Không chứa dấu cách | phuong |
| **2** | Mật khẩu | Password field | Có | Tối thiểu 6 kí tự | Password |

**Dữ liệu chức năng “Đăng nhập”**

**2.4.2 Đăng ký**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Usecase** | UC002 | **Tên Usecase** | Đăng ký |
| **Tác nhân** | Khách | | |
| **Mô tả** | Tác nhân đăng ký tài khoản để sử dụng chức năng của hệ thống | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Click vào nút đăng ký | | |
| **Tiền điều kiện** | Không | | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1 | Khách | Chọn chức năng Đăng ký | | 2 | Hệ thống | Hiển thị giao diện đăng ký | | 3 | Khách | Nhập các thông tin tài khoản (mô tả phía dưới \*) | | 4 | Khách | Yêu cầu đăng ký | | 5 | Hệ thống | Kiểm tra xem khách đã nhập các trường bắt buộc nhập hay chưa | | 6 | Hệ thống | Kiểm tra địa chỉ email của khách có hợp lệ không | | 7 | Hệ thống | Kiểm tra mật khẩu có đủ mức độ an toàn hay không | | 8 | Hệ thống | Lưu thông tin tài khoản và thông báo đăng ký thành công | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 5a | Hệ thống | Thông báo lỗi: Cần nhập các trường bắt buộc nhập nếu khách nhập thiếu | | 6a | Hệ thống | Thông báo lỗi: Địa chỉ email không hợp lệ nếu địa chỉ email không hợp lệ | | 7a | Hệ thống | Thông báo lỗi: Mật khẩu cần đảm bảo độ an toàn nếu mật khẩu không đảm bảo độ an toàn được quy định bởi hệ thống (có ít nhất 6 ký tứ) | | | |
| **Hậu điều kiện** | Tài khoản được tạo và lưu trữ vào hệ thống | | |

**Đặc tả chức năng “Đăng ký”**

**\* Dữ liệu đầu vào gồm các trường dữ liệu sau:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắc buộc** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
| **1** | Họ | Input field | Có | Không chứa dấu cách | phuong |
| **2** | Tên | Input field | Có | Không chứa dấu cách | Le |
| **3** | Email | Input field | Có | Địa chỉ email hợp lệ | Phuong@gmail.com |
| **4** | Tên tài khoản | Input field | Có | Không chứa dấu cách | Phuongewv |
| **5** | Mật khẩu | Password field | Có | Ít nhất 6 ký tự,phải có 1 chữ in hoa,1 chữ in thường ,1 kí tự đặc biệt | Phuong1@ |

**Dữ liệu chức năng “Đăng nhập”**

- Thêm một quản trị viên khác vào trang web.

2.4.1 Đăng nhập

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Usecase** | UC002 | **Tên Usecase** |  |
| **Tác nhân** |  | | |
| **Mô tả** |  | | |
| **Sự kiện kích hoạt** |  | | |
| **Tiền điều kiện** |  | | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1 |  |  | | 2 |  |  | | 3 |  |  | | 4 |  |  | | 5 |  |  | | 6 |  |  | | 7 |  |  | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | |  |  |  | |  |  |  | | | |
| **Hậu điều kiện** |  | | |